

## BẢN SẮC VĂN HÓA TỘC NGƯỜI VỚI XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO: TỪ LÝ LUẬN ĐẾN THỰC TIỄN Ở NGƯỜI CHỨT HIỆN NAY

**PGS.TS. NGUYỄN VĂN MẠNH**  
Trường Đại học Khoa học Huế

Mối quan hệ giữa bản sắc văn hóa tộc người với xóa đói giảm nghèo thực chất là quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Giải quyết mối quan hệ này là một vấn đề hết sức phức tạp, nhất là ở các dân tộc thiểu số có trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp kém. Tính phức tạp ở ngay việc giải quyết vấn đề lý luận về bản sắc văn hóa tộc người: Có hay không bản sắc văn hóa và bản sắc văn hóa là gì? Đó là những câu hỏi tranh luận khá gay gắt chưa có hồi kết trong giới học thuật ở nước ta và ngoài nước. Bài viết này vì vậy, tiếp cận đến một góc nhìn lý luận về bản sắc văn hóa và vận dụng quan điểm lý thuyết đó trong việc nêu ra những thách thức giữa bảo tồn bản sắc văn hóa với xóa đói giảm nghèo hiện nay ở người Chứt.

### 1. Một số vấn đề lý luận về bản sắc văn hóa

Khái niệm bản sắc văn hóa (Cultural identity) ở nước ta đã được sử dụng phổ biến trong đời sống hàng ngày, trong học thuật, trong các văn bản hành chính và được nhiều học giả ở nước ta cũng như nước ngoài thuộc các lĩnh vực, như dân tộc học/ nhân học, văn hóa học, xã hội học, ... quan tâm tìm hiểu. Tuy nhiên, nội hàm của khái niệm này khá phức tạp và cho đến nay còn tồn tại những kiến giải/ hiểu biết chưa thật nhất quán và thậm chí có phần trái ngược. Ai cũng hiểu bản sắc văn hóa là gốc sắc thái văn hóa của một cộng đồng quốc gia, dân tộc; cái để định vị sự tồn tại, sự khác



Mẹ và con người Chứt

Ảnh: TL

n nhau cơ bản giữa dân tộc này với dân tộc khác. Nhưng những người theo thuyết khởi nguyên luận (Primordialism) lại cho rằng, bản sắc văn hóa là gốc văn hóa buổi đầu không biến đổi, như ao làng, giếng làng, lũy tre làng; nó mang yếu tố động/tĩnh; còn những người theo thuyết tình huống luận (Cicumstantialism) lại cho bản sắc văn hóa là cái thay đổi khi môi trường sống thay đổi. Từ đó, cả hai hướng quan niệm này đều đi đến phủ nhận sự tồn tại khái niệm bản sắc văn hóa. Trong tác phẩm *Không có bản sắc văn hóa*, François Jullien cho rằng, *mong muốn cô lập từng nền văn hóa sẽ gấn cho nó một bản sắc văn hóa, văn hóa là yếu tố động, thay hình đổi dạng, nên không thể dùng khái niệm bản sắc được; nên chẳng thay khái niệm bản sắc văn hóa bằng khái niệm nguồn nuôi dưỡng văn hóa*. Cũng trong tác phẩm này, giáo sư Lê Hữu Khóa trong bài giới thiệu tập sách

của François Jullien đã cho rằng, “*bản sắc văn hóa luôn được dùng trong không gian chính trị nơi các nhà cầm quyền phương Tây dùng nó để tung hỏa mù, để giật dây thao túng dân chúng*”; và *bản sắc văn hóa động như ao nhà, ao làng, còn văn hóa lại luôn mang yếu tố động luôn mở cửa để đón nhận các văn hóa khác; vì vậy đừng dùng cái động làm khuôn cho cái động, đừng lấy cái động là ao tù để áp cho cái động của văn hóa*. Những cách hiểu về bản sắc văn hóa như vậy là không đầy đủ. Thực ra, khái niệm bản sắc văn hóa ở các nước phương Tây thường nghiêng về sự khác biệt trong lối sống, tính cách, căn tính của cộng đồng dân tộc đó, để phân biệt sự khác nhau giữa người Pháp với người Mỹ, người Anh,... Còn ở Việt Nam, khái niệm bản sắc văn hóa bao trùm toàn bộ các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng dân tộc, từ những giá trị của ông cha sáng tạo nên trong tiến trình lịch sử cho đến những yếu tố văn hóa bên ngoài được tiếp nhận, cấu trúc lại, trở thành cái đặc thù của dân tộc. Rõ ràng, khái niệm bản sắc văn hóa phải được nhìn nhận trong từng không gian văn hóa cụ thể, không nên áp đặt khái niệm này thành mẫu số chung cho toàn thế giới.

Ở Việt Nam, khái niệm này mặc dầu theo từ nguyên là gốc sắc thái văn hóa, cái định vị/ thuộc về/ phân biệt, nhưng phải được hiểu nó là một thực thể sống, có quá trình sáng tạo, tiếp nhận/ dung hợp, chọn lọc, cấu trúc lại các yếu tố văn hóa bên ngoài để biến thành máu thịt, phù hợp với mình, thuộc về mình (belonging), khác biệt với cộng đồng khác/ dân tộc khác. Vì vậy có thể hiểu bản sắc văn hóa theo hệ các hàng số sau: Sáng tạo - tiếp nhận - cấu trúc lại - thuộc về chủ thể đó; ví như một Nho giáo Việt Nam định vị và phân biệt với Nho giáo Trung Hoa (Nho giáo Trung Hoa: Trung với vua là tất cả, còn Nho giáo Việt Nam: Trung với vua khi vua với dân, với nước là một); cũng như vậy một Phật giáo Việt Nam khác với Phật giáo Ấn Độ (đề cao Phật tại tâm, tu tại gia, tiền Phật hậu

thần, hòa đồng âm dương và có phần thiên về âm tính); một Thiên Chúa giáo Việt Nam khác với Thiên Chúa giáo phương Tây (thờ phụng tổ tiên, dòng tộc trong cộng đồng Thiên Chúa giáo)... và như vậy Nho giáo, Phật giáo, Thiên chúa giáo Việt Nam là một phần bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Cũng tương tự như vậy, khi đồng bào các dân tộc thiểu số tiếp nhận văn hóa người Việt, văn hóa bên ngoài và dân tộc hóa, bản địa hóa những yếu tố văn hóa đó thành một phần của bản sắc văn hóa dân tộc. Ví như, Thiên Chúa giáo khi đến vùng đồng bào dân tộc Tây Nguyên, chúa được mặc khổ, vai mang gùi, nhà thờ được mô phỏng theo dạng kiến trúc nhà rông; nhiều ngôi nhà cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số ở nước ta được làm kết hợp giữa nhà đất và nhà sàn, giữa xây dựng tường ngói bê tông và sử dụng sàn nhà; hay đạo Hồi của người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận, tín đồ không cần thuộc kinh Koran, không cần phải xây dựng thánh đường, không cần thiết phải thực hành tháng ăn chay Ramadan...; tất cả những yếu tố văn hóa bên ngoài đó đã trở thành một phần của bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số nước ta.

Như vậy bản sắc văn hóa phải được nhìn nhận theo cả 2 chiều cạnh: Vừa là gốc văn hóa của dân tộc, vừa là sự bổ sung, tiếp nhận văn hóa bên ngoài để dân tộc hóa, bản địa hóa trở thành văn hóa của mình; có nghĩa là nhìn cái gốc văn hóa của dân tộc trong xu thế vận động và phát triển: Vận động và phát triển trong sáng tạo, tiếp nhận, không đứt gãy để cả cái được sáng tạo và cái tiếp nhận hòa đồng, thích nghi, phù hợp.

Bên cạnh đó, khái niệm bản sắc văn hóa còn được hiểu theo những chiều cạnh khác, như có tác giả chủ trương tồn tại bản sắc kép (double identity) trong xu thế đa văn hóa, như bản sắc văn hóa của dân tộc tộc người (Ethnic), bản sắc văn hóa dân tộc quốc gia (Nation), bản sắc văn hóa vùng, bản sắc văn hóa khu vực, bản sắc văn hóa tôn giáo, bản sắc văn hóa gia

tộc,... Cách hiểu này làm cho khái niệm bản sắc văn hóa càng trở nên mơ hồ: Văn hóa gia tộc, hay vùng văn hóa, như vùng văn hóa Tây Bắc, Đông Bắc, Trường Sơn..., cũng tương tự như vậy, văn hóa Hồi giáo, Thiên Chúa giáo, Phật giáo nên được hiểu là nằm trong bản sắc văn hóa các dân tộc người và bản sắc văn hóa dân tộc quốc gia. Vì vậy, nếu sử dụng khái niệm bản sắc kép, nên hiểu là sự kết hợp bản sắc văn hóa của dân tộc người và bản sắc văn hóa của dân tộc quốc gia. Còn văn hóa khu vực, như khu vực Đông Bắc Á, Đông Nam Á không nên sử dụng khái niệm bản sắc văn hóa mà chỉ nên sử dụng khái niệm *đặc trưng*; vì rằng, gán cho văn hóa khu vực một bản sắc văn hóa sẽ làm cho khái niệm này càng trở nên mơ hồ, khó xác định.

## 2. Nhận diện bản sắc văn hóa tộc người Chứt

Người Chứt là một trong những tộc người có dân số ít và có trình độ phát triển thấp trong 54 dân tộc Việt Nam. Dân tộc này đứng thứ 13 về dân số trong danh mục các dân tộc thuộc diện rất ít người với khoảng 6.000 người, phân bố theo các nhóm như sau: Sách có 2.635 người, Rục 437 người, Arem 156 người, Mày 1.163 người, Mã Liềng 1.027.

Do sống biệt lập một thời gian dài trong điều kiện địa lý khắc nghiệt, tộc người này đã bị thoái hóa về văn hóa và lạc hậu về đời sống kinh tế. Vì vậy, họ được xếp vào một trong 10 tộc người có trình độ phát triển thấp nhất ở nước ta. Tuy vậy, cộng đồng này còn lưu giữ được nhiều yếu tố văn hóa của thời kỳ sơ khai của người Việt. Cho nên có thể nói, người Chứt chính là “ảnh xạ” của người Việt trong quá khứ. Xã hội Chứt là “bảo tàng sống” để các nhà nghiên cứu tìm hiểu về sơ sử của sự phát triển, quá trình tộc người, văn hóa, ngôn ngữ... của người Việt.

Đây là một trong những dân tộc không chỉ có dân số rất ít mà còn có đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội thấp kém. Do sống trong vùng rừng

núi đá vôi ở miền Tây tỉnh Quảng Bình có khí hậu khắc nghiệt, giao thông đi lại khó khăn, nên tộc người này đã chịu một quá trình thoái hóa về nhiều mặt, nhất là đời sống văn hóa. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc này theo thời gian đã bị mất mát, rơi rụng, như kho tàng truyện cổ, các loại hình ca múa nhạc, lễ hội... Đó là lý do cốt lõi tại sao bản sắc văn hóa của dân tộc Chứt còn lại rất nghèo nàn về cả các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể.

Tuy vậy, xét về mặt bản chất, bản sắc văn hoá người Chứt mang đậm cái hoang dã của rừng núi, cái sơ khai nguyên thủy của những cộng đồng cư dân còn ở vào thời kỳ phát triển thấp kém. Điều đó được thể hiện trên nhiều lĩnh vực kinh tế, quan hệ xã hội, văn hoá vật thể, văn hoá phi vật thể... Về hoạt động kinh tế, cư dân nơi đây còn bảo lưu khá đậm nét các hình thái kinh tế dựa vào thiên nhiên, như săn bắn, đánh cá, hái lượm, nương rẫy với những hình thức khai thác, canh tác hết sức thô sơ: Chọc lỗ tra hạt, dùng cung tên, lao, bẫy để săn bắn, mò cua bắt ốc ở khe suối, hái nhặt rau, củ, quả, măng, nấm... Về đời sống xã hội, thiết chế tự trị cộng đồng với vai trò già làng, chủ đất, luật tục, tri thức bản địa... còn tồn tại khá đậm nét. Trong đó quan hệ tình làng nghĩa xóm bình đẳng, thương yêu, giúp đỡ, đùm bọc lẫn nhau giữa các thành viên cộng đồng là yếu tố nổi trội nhất. Đi vào cụ thể bản sắc văn hóa của tộc người Chứt được thể hiện ở những dấu ấn sau đây:

- *Về ẩm thực*: Nói đến ẩm thực của đồng bào tộc người Chứt, chúng ta phải kể đến một loại hình ẩm thực tận dụng môi trường tự nhiên rất độc đáo. Do đời sống kinh tế khó khăn, cuộc sống của họ dường như trông cậy vào rừng, dựa vào sản vật rừng, bởi vậy kể cả lương thực, nguồn thực phẩm, cách chế biến rượu, nước uống, tất cả đều lấy từ rừng. Đó là bên cạnh lúa rẫy, ngô, khoai, sắn, rau củ quả trồng được ở nương rẫy “cũng lấy của rừng”, người dân phải thường xuyên tìm bột nhúc, bột báng, củ nâu, củ mài, măng, nấm, rau dại, rượu đoác,

bắt ốc, cá tôm ở khe suối, săn bắn muông thú ở rừng. Cách thức chế biến món ăn cũng chủ yếu bằng phương pháp nấu chín, nướng, luộc; tổ chức bữa ăn buổi sáng và buổi chiều phù hợp với kinh tế nương rẫy...

- *Về trang phục*: Mặc dầu đa số đồng bào hiện nay đã sử dụng trang phục của người Kinh, bóng dáng của trang phục cổ xưa bằng vỏ cây không còn nữa, nhưng không phải vì thế mà núi rừng miền Tây Quảng Bình vắng bóng những bộ váy áo thổ cẩm - đặc trưng trang phục của các dân tộc thiểu số vùng núi rừng Trường Sơn. Mặc dầu, người Chứt không dệt được loại trang phục này, nhưng tâm lý của người dân, nhất là phụ nữ vẫn thích loại trang phục đặc trưng của vùng rừng núi, nên họ trao đổi với người Lào, người Tàôi ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế để có được những váy áo thổ cẩm mang dấu ấn rừng núi của mình.

- *Về văn nghệ dân gian*: Hiện nay loại hình văn hóa này còn lại ở người Chứt không nhiều, nhưng ở tâm trí người già vẫn còn đó những câu chuyện cổ, như Lèn đá đi lấp biển, Đàng về..., hay ở các mẹ, các chị là những làn điệu dân ca như, điệu Cà tom tà leng, Cà răng tà nêu, hay trong các bản làng vẫn còn đó những thanh thiếu niên chơi đàn Bot, đàn K'ngong, sáo, tù và, đàn môi,...

- *Về luật tục*: Đây là một giá trị thuộc bản sắc văn hóa độc đáo của người Chứt. Đó là những quy ước về quan hệ xã hội trong cộng đồng, quy định cách ứng xử với môi trường tự nhiên, như sử dụng đất đai, bảo vệ rừng thiêng, rừng đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước, sông suối,...; hay những quy định chế tài về vi phạm phong tục, tập quán. Trong luật tục, vai trò của già làng, chủ đất được đề cao.

- *Về lễ nghi, lễ hội*: Các nghi lễ liên quan đến vòng đời người và chu kỳ canh tác nương rẫy trong một năm ở quy mô từng gia đình hoặc cả cộng đồng, như lễ cúng rừng thiêng, cúng phát rẫy, cúng gieo hạt, lễ hội cơm mới, lễ tết... Và cả lễ hội đập trống của người Ma

Coong được các nhóm của dân tộc Chứt tham gia và coi như lễ hội của mình, nhất là nhóm người Arem,...

- *Về quan hệ cộng đồng*: Quan hệ cộng đồng trong các làng bản cũng là một sắc thái văn hóa độc đáo của người Chứt. Đó là quan hệ của các thành viên làng bản với việc tôn trọng quan hệ láng giềng cận cư, quan hệ huyết tộc, trong đó vai trò dòng họ rất được đề cao, trưởng họ không chỉ có trách nhiệm thờ cúng dòng họ, tập hợp các thành viên trong dòng họ để giúp đỡ lẫn nhau, mà còn cùng với những người già đứng ra giải quyết những công việc liên quan đến phong tục tập quán của làng; đó là tổ chức tự quản làng bản với vai trò của chủ làng, chủ đất, thầy cúng có chức năng quản lý cộng đồng, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên của vùng rừng núi thông qua phong tục tập quán...

- *Về công cụ sản xuất, phương tiện vận chuyển và dụng cụ sinh hoạt gia đình*: Mặc dầu hiện nay, các sản phẩm bằng kim loại, bằng nhựa ở thị trường được sử dụng khá phổ biến trong đời sống của người dân, nhưng những công cụ sản xuất, phương tiện vận chuyển và dụng cụ sinh hoạt đặc trưng bằng chất liệu gỗ, tre, nứa vẫn chi phối sâu sắc trong đời sống người dân. Đó là cối giã gạo, giã bời, ống gỗ chung cách thuy nấu bời, gậy chọc lỗ, giũ, giỏ, cung tên, các loại bẫy thú, đơm đó dùng để đánh bắt cá...

### 3. Những thách thức giữa bảo tồn bản sắc văn hóa với xóa đói giảm nghèo ở người Chứt

Trong thời gian qua, nhất là từ khi đất nước chuyển đổi từ cơ chế bao cấp sang nền kinh tế thị trường và từng bước thực hiện CNH-HĐH đất nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên đất nước ta nói chung và người Chứt phân bố chủ yếu ở hai huyện Minh Hóa và Tuyên Hóa của tỉnh Quảng Bình nói riêng cũng thực hiện việc chuyển đổi sang hoạt động kinh tế thị trường để xóa đói giảm nghèo. Theo đó, nhiều

chương trình, dự án của Chính phủ cũng như các tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước được tiến hành ở vùng người Chứt, như Chương trình định canh định cư, Chương trình xóa đói giảm nghèo, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu vùng xa (CT.135), Chương trình xóa nhà tạm (CT. 134)... Quá trình thực hiện các chương trình, dự án đó, cũng như việc chuyển đổi nền kinh tế sang cơ chế thị trường để xóa đói giảm nghèo cho người Chứt đã dẫn đến những xáo trộn đáng kể về phân bố dân cư: Từ cư trú có tính riêng biệt giữa các nhóm người Chứt đến sự đan xen cư trú, đan xen hôn nhân, hiện tượng chồng là người Mày, người Arem vợ là người Sách, chồng là người Sách, người Mày vợ là người Kinh, người Tày, Thái, cũng như hiện tượng cư trú khác tộc,... Đặc biệt là quá trình giao lưu hàng hóa trao đổi buôn bán học hỏi những kinh nghiệm làm giàu, kinh nghiệm sản xuất hàng hóa của người Kinh và việc tiếp nhận khoa học kỹ thuật đã giúp cho đời sống của đồng bào nhóm người Chứt trong những năm gần đây có những bước tiến đáng kể: Làng bản khang trang hơn, đói nghèo từng bước đẩy lùi. Tuy nhiên đi liền với công cuộc xóa đói giảm nghèo bản, sắc văn hóa của dân tộc Chứt lại đứng trước nguy cơ một lần nữa bị băng hoại, bị suy thoái. Thêm vào đó, xu hướng tiếp nhận văn hóa của dân tộc khác, đặc biệt là văn hóa của người Kinh, cũng như tiếp nhận lối sống văn minh hiện đại, cư trú xen cài giữa người Kinh với các nhóm người Chứt, sự hòa hững những giá trị truyền thống của ông cha ở lớp trẻ,...; tất cả những điều đó càng làm cho bản sắc văn hóa của dân tộc này suy thoái, lãng quên. Hiện tượng các truyện cổ, như Đường về, Lèn đá lấp biển, hay làn điệu Cà tom tà leng, Cà răng tà nêu, các lễ nghi liên quan chu kỳ đời người, từ sinh đẻ, làm nhà cưới xin, tang ma cũng như lễ nghi cúng rùng, cúng đất, cúng lúa mới, lễ tết truyền thống ngày càng bị rơi rụng, mất mát. Những rơi rụng, mất mát đó liên

quan đến những thách thức giữa bảo tồn bản sắc văn hóa và xóa đói giảm nghèo ở dân tộc Chứt, như:

*- Việc suy giảm bản sắc văn hóa do chính sự áp đặt của các chương trình, dự án*

Trong nhiều năm qua, thực hiện mục tiêu định canh định cư, đã có nhiều chương trình, dự án của nhà nước được triển khai nhằm giúp người Chứt nhanh chóng ổn định và nâng cao đời sống. Tuy nhiên đến nay, nhiều hạng mục đầu tư được đánh giá là ảnh hưởng đến việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Chứt; ví như việc xây dựng ngôi nhà ở của các hộ dân được thiết kế theo một khuôn mẫu chung. Các nhà sàn đều có cột, dầm làm bằng bê tông, mái lợp tôn, diện tích to hay nhỏ tùy theo số người trong gia đình. Thực tế đó phản ánh thực trạng là những ngôi nhà được xây dựng theo kiểu “chìa khoá trao tay” như vậy đang ngày càng bộc lộ những bất cập, không chỉ về kinh tế mà cả về văn hóa.

Đáng lo ngại hơn, việc xây nhà theo chương trình, dự án thường được thiết kế theo kiểu những suy nghĩ của người Kinh, trong khi đồng bào lại có những tâm linh và nghi lễ gắn liền với ngôi nhà thiết kế theo đặc thù riêng của họ. Đó là lễ cúng thổ công (Thần đất) khi bắt đầu dựng nhà, lễ bắc bếp khi khánh thành nhà, lễ tiễn người đã mất về với tổ tiên (qua cửa sổ ma của ngôi nhà)... Với cách xây dựng ngôi nhà theo kiểu “chìa khoá trao tay”, các thành viên trong gia đình đã không còn cơ hội thực hành niềm tin tôn giáo, cũng như thực hành các chuẩn mực quy định về hành vi ứng xử giữa trẻ với già, giữa nam với nữ. Cấu trúc truyền thống của cộng đồng sẽ tan rã dần theo thời gian.

Bên cạnh đó, dưới tác động của các chương trình, dự án của kinh tế hàng hóa và hội nhập thế giới, đói nghèo của người dân được giảm bớt, những luồng văn hóa hiện đại xâm nhập vào đời sống của đồng bào, gây ảnh hưởng, làm suy giảm thêm các yếu tố của bản sắc văn hóa, như dấu ấn về ẩm thực, trang phục, lễ nghi, lễ hội,...

*- Sự suy giảm về ngôn ngữ mẹ đẻ*

Một sự mai một khác về bản sắc văn hóa tộc người Chứt hiện nay còn được thể hiện ở sự suy giảm về tiếng nói của tộc người ở tầng lớp thanh thiếu niên trong thời kinh tế thị trường và hội nhập văn hóa. Ví như trước đây, các nhà khoa học đã coi ngôn ngữ người Chứt là “bảo tàng sống” về tiếng nói và lịch sử của người Việt cổ, bởi họ chính là hiện thân của cộng đồng ngôn ngữ tiền Việt - Mường, nhưng ngày nay, tiếng nói của họ bị suy giảm khi chưa có những giải pháp hữu hiệu nào để bảo tồn ngôn ngữ của họ.

Làm thế nào để vừa xóa đói giảm nghèo có nghĩa là phát triển đời sống kinh tế, xã hội cho người dân nhưng lại vừa giữ gìn bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc Chứt là một câu hỏi không dễ có lời giải. Người Chứt được các nhà nghiên cứu xác định là một nhóm người thuộc cộng đồng tiền Việt - Mường bị đẩy lên vùng rừng núi khắc nghiệt sống trong điều kiện kinh tế, xã hội còn thấp kém nên đã chia thành nhiều nhóm nhỏ, ý thức dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc, vì vậy chưa được cố kết bền chặt, nay đứng trước áp lực của đói nghèo người dân phải thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo, nên bản sắc văn hóa của dân tộc lại một lần nữa bị thách thức. Đó là một sự thật tất yếu của lịch sử. Vấn đề ở đây là phải thực hiện những chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn văn hóa một cách hợp lý, có nghĩa là phải vừa thực hiện các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế thị trường đến từng bản làng của người Chứt, nhưng không quên chú trọng đến việc bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống dấu bản sắc văn hóa đó còn tồn tại ở những mảng màu mờ nhạt. Vì vậy, cần phải tổng kiểm kê đánh giá những di sản nào thuộc về văn hóa

của tộc người Chứt, như cấu trúc bản làng, ngôi nhà sàn, trang phục thổ cẩm, bột nhúc, bột nghiền, truyện cổ, làn điệu dân ca Cà tom tà leng, Cà răng tà nêu, các lễ nghi, lễ hội truyền thống, tính cách, sở thích, lối sống của người Chứt, cũng như những văn hóa bên ngoài được tiếp nhận từ người Kinh, từ người Khùa, người Lào, người Ma Coong nhưng đã được dân tộc hóa, được người dân tiếp nhận trở thành các yếu tố văn hóa phù hợp thì đều được coi là những mảng màu của bản sắc văn hóa dân tộc Chứt. Chính quyền địa phương, các tổ chức chính trị xã hội phải cùng vào cuộc một cách đồng bộ và quyết liệt để vừa tổng kiểm kê các yếu tố thuộc về bản sắc văn hóa dân tộc Chứt, vừa xác định các hình thức bảo tồn, bao gồm bảo tồn tĩnh trong nghiên cứu, trong sách vở, trong bảo tàng và bảo tồn động trong cộng đồng làng bản, trong vai trò người già, trong đời sống phong tục, trong liên hoan nghệ thuật quần chúng, trong giữ gìn và truyền dạy nghệ nhân, bảo tồn gắn với phát triển: Chú trọng xây dựng các tour du lịch cộng đồng, quảng bá, tuyên truyền bản sắc văn hóa dân tộc Chứt trên các phương tiện truyền thông,...

Tóm lại, bảo tồn bản sắc văn hóa và xóa đói giảm nghèo là những vấn đề lớn phức tạp đang được toàn xã hội quan tâm giải quyết trên bình diện cả nước, cũng như ở từng dân tộc, từng vùng. Nhưng đây là vấn đề hết sức phức tạp, khó khăn, nhất là ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng các dân tộc có dân số rất ít và trình độ phát triển kinh tế, xã hội thấp kém như người Chứt. Nhưng càng khó khăn phức tạp, lại phải càng thực hiện một cách cẩn trọng, từng bước và đồng bộ để vừa xóa đói giảm nghèo cho người dân vừa bảo tồn được bản sắc văn hóa dân tộc ■

**Tài liệu tham khảo:**

1. Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình (2011), *Sổ tay công tác dân tộc*, Ban Dân tộc tỉnh Quảng Bình Xb.
2. Nguyễn Văn Mạnh (1996), *Người Chứt ở Việt Nam*, Nxb Thuận Hóa, Huế.
3. François Jullien (2018), *Không có bản sắc văn hóa*, Nxb Đại học Huế.